TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1583/2025/DS- ST
Ngày: 23/9/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Em

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Anh

2. Ông Nguyễn Ngọc Thư

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Thành Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở chính Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1406/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 459/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 345/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phạm Quang H, sinh năm 1991; địa chỉ: số 164/5 đường M, phường N, thành phố T, Thành phố H (nay là là phường N, Thành phố H); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Trần Thị Hoàng N, sinh năm 1991; địa chỉ: số 135/74 Phạm Đăng Giảng, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, các biên bản về việc không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ông Phạm Quang H trình bày:*

Ông Phạm Quang H và bà Trần Thị Hoàng N là bạn bè thân thiết với nhau nên từ tháng 5/2022 cho đến tháng 01/2023, ông H có cho bà N vay rất nhiều lần tiền, lãi suất 2,0%/tháng; mục đích vay để kinh doanh vận tải xe khách và làm

homestay cho thuê. Do chỗ thân quen nên mỗi lần cần tiền thì bà N gọi điện thoại cho ông H và ông H chuyển khoản cho bà N từ tài khoản của ông H số tài khoản 0381000423097 tại ngân hàng Vietcombank đến số tài khoản của bà N 0531000293647 tại ngân hàng Vietcombank; các bên không lập giấy nợ hay hợp đồng vay tiền. Ông H đã chuyển cho bà N vay tổng cộng 22 lệnh chuyển tiền theo Bảng kê chi tiết công nợ ông H đã liệt kê ngày 22/01/2025 kèm các lệnh chuyển tiền theo Sao kê tài khoản ngân hàng Vietcombank ngày 18/02/2025; tổng số tiền ông H đã chuyển cho bà N vay là 1.453.000.000 đồng.

Tuy nhiên, mỗi lần vay tiền các bên không thỏa thuận thời gian nhưng bà N thường vay ngắn hạn và trả dần khi có tiền; việc trả dần thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài số của bà N đến tài khoản của ông H.

Bà N đã chuyển trả cho ông H với 37 lệnh chuyển tiền theo Bảng kê chi tiết công nợ ông H đã liệt kê ngày 22/01/2025 kèm các lệnh chuyển tiền theo Sao kê tài khoản ngân hàng Vietcombank ngày 18/02/2025; tổng số tiền bà N đã chuyển trả nợ gốc là 1.323.225.000 đồng. Mặc dù các bên có thỏa thuận lãi suất 2% tháng nhưng bà N chưa trả cho ông H hết số nợ gốc nên ông H chưa tính lãi suất.

Như vậy, số tiền nợ gốc bà N còn nợ ông H là 129.775.000 đồng. Bà N chuyển khoản trả cho ông H đợt cuối cùng vào ngày 03/10/2023 và các bên thống nhất cho bà N được trả dần mỗi tháng theo khả năng cho đến khi hết số tiền còn nợ. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ bà N không thực hiện, ông H nhiều lần liên lạc bà N nhưng không có kết quả.

Ngày 21/10/2024, ông H đã gửi thông báo yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không phản hồi.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Hoàng N thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là 129.775.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất kể từ khi vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Trần Thị Hoàng N đến để giải quyết vụ án nhưng bà N không đến; không gửi ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không ghi nhận được ý kiến của bà N.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

- Về Thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng quy định của pháp luật; chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Phạm Quang H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Hoàng N thanh toán số tiền vay còn nợ đến hạn chưa thanh toán. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo kết quả cung cấp thông tin của Công an phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, thì bà Trần Thị Hoàng N có đăng ký thường trú tại số 135/74 đường P, phường H, quận B, Thành phố H(nay là phường B, Thành phố H); nhưng bỏ địa phương đi đâu không rõ từ năm 2020 đến nay, hiện không thực tế cư trú tại địa phương. Hội đồng xét xử không xác định được địa chỉ nơi bà N đang thực tế cư trú. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xác định địa chỉ số 135/74 đường P, phường H, quận B, Thành phố H(nay là phường B, Thành phố H) là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, từ ngày 01/7/2025 là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn trong vụ án là bà Trần Thị Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn về việc xác định đã chuyển tiền cho bà N nhiều lần với 22 lệnh chuyển tiền theo Bảng kê chi tiết công nợ ông H đã liệt kê ngày 22/01/2025, phù hợp với các lệnh ông H chuyển tiền cho bà N tại Bảng sao kê tài khoản ngân hàng Vietcombank ngày 18/02/2025. Như vậy, có cơ sở xác định bà N có nhận tiền vay của ông H thông qua giao dịch chuyển khoản với số tiền 1.453.000.000 đồng; nội dung các lệnh chuyển tiền không thể hiện rõ lãi suất; có lệnh chuyển tiền ghi thời hạn trả lại, có lệnh chuyển tiền không ghi thời hạn trả lại tiền. Trong quá trình các bên thực hiện giao dịch, ông H thừa nhận rằng bà N đã thanh toán số tiền nợ gốc thông qua hình thức chuyển khoản bằng 37 lệnh

chuyển tiền với tổng số tiền nợ gốc đã thanh toán là 1.323.225.000 đồng phù hợp với các lệnh bà N chuyển tiền tại bảng sao kê trên; nên có cơ sở xác định số tiền bà N còn nợ lại là 129.775.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không xác định thời hạn, không quy định lãi suất; ông H đã nhiều lần liên hệ bà N yêu cầu thanh toán nợ nhưng không có kết quả; ngày 21/10/2024, ông H đã gửi thông báo yêu cầu bà N trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán một lần số tiền nợ gốc là 129.775.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất kể từ khi vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm; yêu cầu thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về giao nộp tài liệu, chứng cứ: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền và nghĩa vụ giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án; nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ… thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập được… để giải quyết vụ án.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng, trong đó các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã ghi rõ nội dung yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn, nhưng phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền vốn hoặc có hay không có trả lãi cho nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là 129.775.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất kể từ khi vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm; việc thanh toán được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.488.750 đồng.

Trả lại cho ông Phạm Quang H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.137.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khản 1, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Quang H về việc yêu cầu bà Trần Thị Hoàng N thanh toán nợ.

2. Buộc bà Trần Thị Hoàng N có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Quang H tổng số tiền nợ gốc là 129.775.000đ (một trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); không yêu cầu tính lãi suất kể từ khi vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm; việc thanh toán được thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Trần Thị Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.488.750đ (sáu triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

3.2. Trả lại cho ông Phạm Quang H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.137.500đ (chín triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048514 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6 Luật Thi hành án dân sự, tại các Điều 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 9 - TPHCM;
- TAND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Em